

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v Ly hôn giữa chị Vân – anh Tấn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoà;

2. Bà Đỗ Thị Hiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/02/2004 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi

kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình cùng gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng đầu năm 2015, chị đi lao động ở Đài Loan. Trong thời gian chị đi lao động, có lần anh T gửi đơn xin ly hôn cho chị ký tên, nhưng sau đó không nộp đến Tòa án. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, hai bên không quan tâm, hỏi han gì đến nhau, kinh tế hoàn toàn riêng biệt. Nay chị V xác định chị không còn tình cảm với anh T, không thể đoàn tụ cùng chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 26/6/2006. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh.

Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2024 và ngày 09/9/2024 tại UBND xã V có nội dung:

Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978 nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Anh T, và chị V có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2004 tại UBND xã V, hiện nay chị V không sinh sống tại địa phương. Anh T và chị V có 01 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 26/6/2006, hiện đang ở cùng chị V. Khoảng năm 2023 anh T đi làm ăn ở nơi khác, là lao động tự do ở tỉnh ngoài, địa phương không biết cụ thể địa chỉ nơi làm việc của anh T, thỉnh thoảng vào ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ anh T có đi về nhà ở thôn T, xã V, huyện K. Cùng hộ với anh T có bố anh T là ông Bùi Văn T1 hiện đã cao tuổi, không còn minh mẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Bùi Văn T. Về nuôi con chung: Chị V, anh T2 có 01 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 26/6/2006. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên không đặt ra giải

quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị V khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện K tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên khoảng đầu năm 2015, chị V đi lao động tại Đài Loan. Chị V trình bày trong thời gian chị lao động ở Đài Loan, có lần anh T đã gửi đơn ly hôn cho chị ký, nhưng sau đó không nộp đơn đến Tòa án. Sau khi trở về nước, chị V cũng không chung sống với anh T mà sống tại gia đình bố mẹ chị tại thành phố T. Đã từ lâu chị V và anh T sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giữa vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V, anh T có 01 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 26/6/2006. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị V, anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 26/6/2006 đã đủ tuổi trưởng thành. Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002037 ngày 03/6/2024 sang thi hành án phí. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V, anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã Vũ Ninh;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Anh Tuấn